

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

Lê Thị Ánh Tuyết

CẠNH TRANH CHIẾN LƯỢC NGÀ - MỸ
TẠI TRUNG ĐÔNG TỪ NĂM 2000 ĐẾN NĂM 2024

Chuyên ngành: Quan hệ quốc tế

Mã số: 9310601.01

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ QUAN HỆ QUỐC TẾ

HÀ NỘI – 2026

Trường Đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội

- Thư viện Quốc gia Việt Nam
- Trung tâm Thư viện và Tri thức số, Đại học Quốc gia Hà Nội

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Cuối thế kỷ XX, sự tan rã của trật tự hai cực Yalta đã mở ra một thời kỳ chuyển dịch sâu sắc trong cấu trúc quyền lực toàn cầu. Dù chiến tranh không còn là phương thức chủ đạo để xác lập vị thế, các cường quốc vẫn không ngừng cạnh tranh nhằm khẳng định ảnh hưởng trong một thế giới ngày càng đa cực. Trung Đông, với vị trí địa lý then chốt, nguồn tài nguyên dầu mỏ dồi dào và vai trò là điểm giao thoa của ba châu lục, trở thành tâm điểm của các cuộc đối đầu chiến lược, nổi bật là giữa Nga và Mỹ.

Khu vực Trung Đông không chỉ nổi bật bởi tiềm năng tài nguyên mà còn bởi những bất ổn kéo dài, từ xung đột tại Syria, vấn đề hạt nhân Iran đến tranh chấp Palestine - Israel. Những bất ổn này xuất phát từ cả nguyên nhân nội tại lẫn sự can thiệp của các thế lực bên ngoài, khiến môi trường cạnh tranh chiến lược giữa các cường quốc ngày càng phức tạp và khó dự báo.

Đối với Mỹ, Trung Đông luôn được xác định là trọng tâm trong chiến lược toàn cầu. Washington liên tục điều chỉnh chính sách để duy trì vị thế lãnh đạo, bảo vệ lợi ích chiến lược và ứng phó với sự nổi lên của các đối thủ mới hoặc các liên minh khu vực. Ngay cả khi có những chuyển hướng như chính sách “xoay trục” sang châu Á - Thái Bình Dương, Mỹ vẫn không thể tách rời khỏi các lợi ích cốt lõi tại Trung Đông.

Về phía Nga, sau giai đoạn khủng hoảng hậu Xô viết, Trung Đông dần trở lại là ưu tiên trong chiến lược phục hồi vị thế cường quốc của nước này, đặc biệt từ năm 2000 dưới thời Tổng thống Putin. Nga không chỉ mở rộng hiện diện mà còn linh hoạt chuyển từ đối đầu sang hợp tác cùng có lợi, nhất là trong lĩnh vực năng lượng, nhằm củng cố ảnh hưởng và tạo thế cân bằng với Mỹ tại khu vực.

Những biến động của bối cảnh quốc tế và khu vực đã làm cho cạnh tranh Nga - Mỹ tại Trung Đông trở nên quyết liệt hơn, đồng thời tạo ra những tác động lan tỏa đến chính sách của các quốc gia nhỏ, trong đó có Việt Nam. Chính vì vậy, việc nghiên cứu sâu về cạnh tranh chiến lược Nga - Mỹ tại Trung Đông không chỉ có ý nghĩa học thuật mà còn mang tính thực tiễn đối với hoạch định chính sách đối ngoại

trong bối cảnh toàn cầu biến động hiện nay. Vì những lý do đó, nghiên cứu sinh lựa chọn **“Cạnh tranh chiến lược Nga - Mỹ tại Trung Đông từ năm 2000 đến năm 2024”** làm đề tài luận án tiến sĩ của mình.

2. Mục tiêu nghiên cứu và nhiệm vụ nghiên cứu

Mục tiêu chính của luận án: trên cơ sở khung lý thuyết chủ nghĩa hiện thực cấu trúc, luận án phân tích sự vận động của cạnh tranh chiến lược Nga - Mỹ tại Trung Đông giai đoạn 2000-2024, đánh giá tác động của quá trình này đối với cục diện khu vực Trung Đông và xu hướng chuyển dịch trật tự quốc tế, từ đó xây dựng dự báo, rút ra hàm ý chính sách cho Việt Nam và bước đầu khái quát một số đặc điểm bản chất của quá trình cạnh tranh.

Để đạt được mục đích trên, luận án sẽ tập trung thực hiện những nhiệm vụ sau đây:

Một là, vận dụng khung lý thuyết chủ nghĩa hiện thực cấu trúc và xây dựng khung phân loại mức độ cạnh tranh chiến lược làm công cụ phân tích; làm rõ các nhân tố địa chính trị tạo nên bối cảnh và điều kiện của cạnh tranh Nga – Mỹ tại Trung Đông trong giai đoạn nghiên cứu.

Hai là, phân tích sự vận động của cạnh tranh chiến lược Nga – Mỹ tại Trung Đông qua ba giai đoạn (2000 - 2008, 2009 - 2014, 2015 - 2024) trên bốn công cụ - chính trị - ngoại giao, an ninh - quân sự, kinh tế - năng lượng, khoa học - công nghệ; xác định mức độ cạnh tranh từng giai đoạn theo khung phân loại đã xây dựng.

Ba là, đánh giá tác động của cạnh tranh Nga - Mỹ, đối với quan hệ Nga - Mỹ, cục diện an ninh khu vực Trung Đông và xu hướng chuyển dịch cấu trúc quyền lực quốc tế, đồng thời xây dựng các kịch bản dự báo và rút ra hàm ý chính sách cho các quốc gia vừa và nhỏ cũng như Việt Nam trong quá trình cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn như Nga và Mỹ.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu là quá trình cạnh tranh chiến lược Nga - Mỹ ở khu vực Trung Đông thể hiện qua các công cụ quyền lực như quân sự, kinh tế, ngoại giao, công nghệ nhằm thay đổi tương quan quyền lực khu vực.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

3.2.1. Phạm vi không gian: khu vực Trung Đông là địa bàn phân tích để làm rõ sự cạnh tranh chiến lược giữa Nga và Mỹ.

3.2.2. Phạm vi thời gian: tập trung từ năm 2000 đến hết năm 2024.

3.2.3. Phạm vi nội dung: Luận án sẽ tập trung nghiên cứu sự cạnh tranh chiến lược của Nga và Mỹ tại Trung Đông thông qua các công cụ quyền lực như chính trị, kinh tế, và an ninh - quân sự để xác lập vị thế và vai trò của nước lớn tại khu vực.

4. Cơ sở phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

4.1. Cơ sở phương pháp luận

Luận án được nghiên cứu chủ yếu dựa trên cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin. Ngoài ra, Tư tưởng Hồ Chí Minh cũng là một định hướng thể giới quan quan trọng của luận án.

4.2. Cơ sở lý thuyết

Chủ nghĩa hiện thực cấu trúc để làm tiền đề phân tích sự vận động của cạnh tranh Nga - Mỹ tại Trung Đông.

4.3. Cách tiếp cận

Thứ nhất, tiếp cận dưới góc độ lịch sử để xem xét một quá trình phát triển có tính liên tục, kế thừa từ giai đoạn cạnh tranh cường quốc trước đó.

Thứ hai, tiếp cận dưới góc độ địa chính trị về vị trí và không gian và nguồn lực của cạnh tranh.

Thứ ba, tiếp cận từ cơ chế tương tác chiến lược, kết hợp lý thuyết cân bằng quyền lực và lưỡng nan an ninh để phân tích chuỗi hành động - phản ứng và cơ chế kiềm chế leo thang giữa hai cường quốc theo thời gian.

4.4. Phương pháp nghiên cứu

Dựa trên cơ sở của phương pháp luận nêu trên, luận án áp dụng các phương pháp nghiên cứu cụ thể như sau:

- **Nhóm phương pháp chuyên ngành quan hệ quốc tế:** Phương pháp phân tích tổng thể; Phương pháp phân tích lịch sử; Phương pháp phân tích chính sách đối ngoại; Phương pháp phân tích kinh tế; Phương pháp so sánh; Phương pháp dự báo.
- **Các phương pháp liên ngành trong khoa học xã hội:** Phương pháp nghiên cứu của ngành khoa học lịch sử; Phương pháp tổng hợp, phân tích.

5. Đóng góp mới của luận án

Trên cơ sở kế thừa và phát triển các thành quả nghiên cứu từ các công trình có liên quan của các học giả trong và ngoài nước. Luận án có những đóng góp sau:

Về mặt khoa học, đề tài cung cấp một bức tranh tổng quan về sự vận động trong quá trình cạnh tranh Nga - Mỹ tại khu vực đây bất ổn đan xen này.

Về mặt thực tiễn, dựa trên những kết quả nghiên cứu, tác giả có thể đưa vào giảng dạy, nghiên cứu ở các học phần liên quan cho sinh viên chuyên ngành quan hệ quốc tế, quốc tế học, và các ngành có liên quan.

6. Bố cục của luận án

Bên cạnh phần Mở đầu và Kết luận, Phần nội dung của luận án sẽ tập trung vào 4 chương chính như sau:

Chương 1. Tổng quan lịch sử nghiên cứu vấn đề

Chương 2. Cơ sở lý luận và cơ sở thực tiễn của quá trình cạnh tranh chiến lược Nga - Mỹ tại Trung Đông (2000 - 2024)

Chương 3. Cạnh tranh chiến lược Nga - Mỹ tại Trung Đông trong giai đoạn 2000 - 2024 qua các công cụ quyền lực

Chương 4. Tác động và dự báo xu hướng của cạnh tranh chiến lược Nga - Mỹ tại Trung Đông. Hàm ý cho Việt Nam

Chương 1. TỔNG QUAN LỊCH SỬ NGHIÊN CỨU VẤN ĐỀ

1.1. Những công trình nghiên cứu lý thuyết liên quan đến cạnh tranh chiến lược trong quan hệ quốc tế

Các công trình này đã làm sáng tỏ nhiều cách tiếp cận khác nhau để lý giải cách các quốc gia tương tác trong một hệ thống vô chính phủ, đồng thời củng cố cơ sở cho việc lựa chọn và kết hợp lý thuyết của luận án. Các công trình này không chỉ cung cấp một cái nhìn toàn diện về các công cụ quyền lực nghiên cứu mà còn đặt nền tảng cho việc xác định các khoảng trống và hướng nghiên cứu tiếp theo trong luận án.

1.2. Công trình nghiên cứu về khu vực Trung Đông

Khu vực Trung Đông từ lâu đã là tâm điểm chú ý của các học giả trong và ngoài nước nhờ vị trí địa chiến lược quan trọng, trữ lượng dầu mỏ phong phú và lịch sử đầy biến động với các xung đột chính trị, tôn giáo. Các công trình nghiên cứu về Trung Đông được phân loại theo các nhóm chủ đề chính nhằm cung cấp cái nhìn toàn diện, từ đó làm nền tảng cho việc phân tích cạnh tranh chiến lược giữa các cường quốc, đặc biệt là Nga và Mỹ, tại khu vực này.

1.3. Những công trình về chính sách của Nga và Mỹ tại khu vực Trung Đông

Các nghiên cứu về chính sách đối ngoại của Mỹ tập trung vào các lĩnh vực như đối ngoại, kinh tế, an ninh và xã hội. Trong đó, các tác giả cho rằng Mỹ duy trì vai trò bá quyền toàn cầu sau Chiến tranh Lạnh, đặc biệt tại Trung Đông thông qua các chiến lược ngăn chặn các đối thủ như Nga và Trung Quốc. Đối với vấn đề kinh tế, Mỹ củng cố ảnh hưởng kinh tế của mình thông qua thương mại toàn cầu và kiểm soát các tuyến dầu mỏ trong khu vực, đặc biệt là nhờ liên minh với các nước vùng Vịnh.

Với Nga, các học giả đều phân tích cụ thể sự thay đổi trong chính sách đối ngoại của Nga đối với những khu vực trọng yếu trên thế giới từ sau 2000. Các công trình này mang đến cái nhìn toàn diện và đa chiều về chính sách đối ngoại của Nga tại Trung Đông, từ lịch sử, hiện tại đến tương lai. Thông qua việc cung cấp các thông tin quý báu và các khuyến nghị hữu ích làm cơ sở tiền đề để luận án có thể tiếp thu và phát triển thành công trình mang một cái nhìn rõ ràng và cụ thể hơn về sự cạnh tranh chiến lược giữa Nga và Mỹ tại khu vực này từ năm 2000 đến 2024.

1.4. Những công trình nghiên cứu về cạnh tranh Nga - Mỹ tại Trung Đông

Bằng cách nghiên cứu từng động thái của các cường quốc lớn trong khu vực, công trình đã đưa ra những phân tích cụ thể về sự đối đầu và cạnh tranh quyền lực giữa Mỹ, Nga và Trung Quốc trong khu vực Trung Đông bao gồm các chiến lược ngoại giao, quân sự và kinh tế, từ đó đưa ra những tác động của sự cạnh tranh quyền lực này đối với an ninh, chính trị và kinh tế của các quốc gia trong khu vực.

1.5. Nhận xét chung về các công trình và khoảng trống nghiên cứu

1.5.1. Nhận xét chung

Đầu tiên, các nghiên cứu kinh điển về cạnh tranh chiến lược đã đặt nền móng lý thuyết vững chắc cho luận án thông qua lăng kính chủ nghĩa hiện thực.

Ngoài ra, các nghiên cứu hiện đại đã bổ sung các yếu tố mới, làm phong phú thêm phạm vi lý thuyết để luận án xem xét cạnh tranh chiến lược dưới góc độ đa chiều.

Thứ ba, các công trình đã làm nổi bật chiến lược chính trị, kinh tế, an ninh-quân sự của Nga và Mỹ tại Trung Đông.

Bên cạnh đó, các nghiên cứu trực tiếp về sự cạnh tranh giữa Nga và Mỹ tại Trung Đông đã cung cấp nền tảng ban đầu để luận án phát triển sâu hơn

1.5.2. Khoảng trống nghiên cứu

Thứ nhất, chưa có nhiều nghiên cứu cung cấp một bức tranh tổng thể về sự cạnh tranh Nga - Mỹ tại Trung Đông trong khoảng thời gian dài từ năm 2000 đến năm 2024.

Thứ hai, các nghiên cứu trước đây thường tập trung chủ yếu vào công cụ chính trị và quân sự, trong khi kinh tế (thị trường năng lượng) và công nghệ (an ninh mạng, công nghệ không gian) - những yếu tố ngày càng trở nên quan trọng trong cạnh tranh chiến lược hiện đại chỉ được đề cập sơ sài.

Thứ ba, gần như chưa có công trình nào đánh giá một cách toàn diện và sâu sắc các hệ quả của sự đối đầu này đối với Nga, Mỹ, các quốc gia Trung Đông, và trật tự thế giới trong bối cảnh đa cực đang hình thành.

Cuối cùng, có rất ít các công trình nghiên cứu hiện tại đưa ra những dự báo cụ thể về xu hướng cạnh tranh Nga - Mỹ trong tương lai, cũng như chưa đề xuất các hàm ý chính sách thiết thực cho các quốc gia nhỏ, đặc biệt là Việt Nam, trong bối cảnh cạnh tranh nước lớn ngày càng gia tăng.

Chương 2. CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ CƠ SỞ THỰC TIỄN CỦA QUÁ TRÌNH CẠNH TRANH CHIẾN LƯỢC NGA - MỸ TẠI TRUNG ĐÔNG (2000 - 2024)

2.1. Cơ sở lý luận

2.1.1. Một số khái niệm

Quan niệm Trung Đông: Trong khuôn khổ nghiên cứu quan hệ quốc tế, khái niệm địa chính trị về khu vực Trung Đông được xây dựng dựa trên cơ sở lịch sử và các định nghĩa đa dạng phản ánh vị trí địa lý, văn hóa, và vai trò chiến lược của khu

vực này. Trong bối cảnh nghiên cứu cạnh tranh chiến lược Nga - Mỹ của luận án, Trung Đông được giới hạn ở các quốc gia trọng yếu như Syria, Iraq, Israel, Palestine và các nước vùng Vịnh, nơi các yếu tố địa chính trị, quân sự, và kinh tế trở thành nền tảng phân tích mối quan hệ quyền lực giữa hai cường quốc.

Cân bằng quyền lực và lợi ích quốc gia: Cân bằng quyền lực là cơ chế các quốc gia dùng để bảo vệ và theo đuổi lợi ích quốc gia. Trường phái hiện thực phòng thủ (Stephen M. Walt, 1987) phát triển lý thuyết cân bằng đe dọa, cho rằng các quốc gia cân bằng chống lại quốc gia bị nhận thức là đe dọa lớn nhất, không chỉ dựa trên sức mạnh. Bổ sung cho góc nhìn này, lý thuyết Luồng nan an ninh (Jervis, 1978) lý giải vì sao các biện pháp phòng thủ của một bên (Mỹ mở rộng NATO, Nga can thiệp Syria) thường bị bên kia diễn giải như đe dọa, thúc đẩy vòng xoáy nghi kỵ và leo thang — cơ chế trung gian giải thích vì sao cạnh tranh Nga - Mỹ tại Trung Đông thường vượt mức cần thiết so với lợi ích thực chất đang tranh chấp.

Khái niệm cạnh tranh chiến lược và khung phân loại:

Trong nghiên cứu quan hệ quốc tế, cạnh tranh chiến lược được xem là một phạm trù cốt lõi, phản ánh sự vận động không ngừng của hệ thống quốc tế và thu hút sự quan tâm của các học giả khi phân tích các mối quan hệ giữa các cường quốc. Từ góc độ chủ nghĩa hiện thực, cạnh tranh được lý giải như một hệ quả tất yếu của bản chất ích kỷ, tư lợi của con người trong môi trường vô chính phủ, nơi các quốc gia không ngừng tối đa hóa quyền lực để bảo vệ lợi ích quốc gia (Hoàng Khắc Nam, 2016; Nguyễn Thái Yên Hương, 2017). Trong đó, cạnh tranh có thể diễn ra dưới dạng “trò chơi có tổng bằng không” (zero-sum game), với hai chiến lược chính: chiến lược hoàn hảo - mang lại lợi ích tối đa bất chấp phản ứng đối thủ, và chiến lược thông minh - giảm thiểu rủi ro để đạt mục tiêu an toàn (Đào Minh Hồng & Lê Hồng Hiệp, 2018).

“Cạnh tranh chiến lược” được các học giả như Muhammad Irfan (2014), Mazarr et al. (2018), và Nguyễn Thị Hải Yến (2016) định nghĩa như một quá trình đối kháng dài hạn giữa các cường quốc, tập trung vào việc tối đa hóa lợi ích kinh tế, chính trị, quân sự, đồng thời hạn chế ảnh hưởng của đối thủ trong các khu vực chiến lược. Đặc biệt, Chiến lược An ninh Quốc gia (2017) và Chiến lược Quốc phòng (2018) của

Mỹ nhấn mạnh sự trở lại của cạnh tranh nước lớn, với Nga và Trung Quốc là thách thức chính, đòi hỏi các chính sách có tính toán để duy trì vị thế toàn cầu.

Dựa trên lý thuyết cạnh tranh đối đầu của Goertz & Diehl (1995, 2000), luận án xây dựng khung phân loại 3 cấp độ cạnh tranh (hạn chế / gay gắt nhưng kiểm soát / đối đầu cường độ cao) theo ba tiêu chí: cường độ sử dụng công cụ quyền lực, khả năng kiểm soát leo thang, và rủi ro xung đột trực tiếp — công cụ phân tích xuyên suốt các chương tiếp theo.

2.1.2. Khung lý thuyết phân tích đề tài cạnh tranh chiến lược Nga - Mỹ tại Trung Đông từ sau năm 2000

Địa chính trị: Kế thừa các lý thuyết kinh điển (Mahan, Mackinder, Spykman, Klare), luận án vận dụng khung “Bàn cờ lớn” của Brzezinski (1997), xem Trung Đông là một trong ba khu vực địa chiến lược then chốt mà các cường quốc bên ngoài tìm cách chi phối để duy trì quyền lực toàn cầu.

Chủ nghĩa hiện thực cấu trúc: phát triển từ chủ nghĩa hiện thực cổ điển, với các tư tưởng nền tảng từ Thucydides, Machiavelli, Hobbes và các học giả tiền bối như Clausewitz, Carr. Thucydides nhấn mạnh nguyên nhân chiến tranh xuất phát từ bản chất quan hệ chính trị và sự lo sợ trước sự trỗi dậy của đối thủ. Machiavelli và Hobbes tập trung vào vai trò của quyền lực và môi trường vô chính phủ, coi quyền lực là công cụ thiết yếu để đảm bảo an ninh và sự tồn tại của quốc gia.

Sau Chiến tranh Thế giới thứ hai, Hans Morgenthau hệ thống hóa chủ nghĩa hiện thực cổ điển, khẳng định lợi ích vị kỷ và mâu thuẫn quyền lực là bản chất của quan hệ quốc tế. Khác với chủ nghĩa hiện thực cổ điển chỉ tập trung vào quốc gia như chủ thể duy nhất, chủ nghĩa hiện thực cấu trúc của Kenneth Waltz (1979) mở rộng phân tích lên cấp độ hệ thống quốc tế, xem cấu trúc hệ thống là yếu tố chi phối hành vi các quốc gia.

Thông qua lăng kính của chủ nghĩa hiện thực cấu trúc, chương này đã làm sáng tỏ cách bản chất vô chính phủ của hệ thống quốc tế và thúc đẩy hai cường quốc này cạnh tranh nhằm bảo vệ lợi ích và gia tăng ảnh hưởng. Theo quan điểm của lý thuyết này, cạnh tranh chiến lược được hiểu là cuộc ganh đua giữa các cường quốc nhằm tối đa hóa lợi ích quốc gia trong một hệ thống quốc tế vô chính phủ, nơi không tồn tại một quyền lực trung ương điều phối hành vi của các quốc gia.

2.2. Cơ sở thực tiễn

2.2.1. Vị thế địa chính trị của Trung Đông

Trung Đông hội tụ giá trị địa chiến lược (eo biển Hormuz, Suez), trữ lượng năng lượng lớn và lịch sử xung đột kéo dài. Vận dụng Lý thuyết phức hợp an ninh khu vực (Buzan và Wæver, 2003), luận án chỉ ra Trung Đông là một phức hợp an ninh phân mảnh — không quốc gia nào đủ sức thiết lập bá quyền khu vực do tương quan cân bằng quyền lực giữa các cường quốc tầm trung (Ả Rập Xê Út, Iran, Thổ Nhĩ Kỳ, Israel). Chính khoảng trống quyền lực nội tại này, kết hợp với giá trị địa chiến lược mà Brzezinski chỉ ra, đã tạo điều kiện thuận lợi để Nga và Mỹ thâm nhập và cạnh tranh giành ảnh hưởng.

2.2.2. Bối cảnh quốc tế, khu vực và quan hệ Nga – Mỹ từ năm 1991 đến năm 2000

Tình hình thế giới:

Sau Chiến tranh Lạnh, sự tan rã của Liên bang Xô Viết năm 1991 đánh dấu sự chấm dứt trật tự hai cực, mở ra một giai đoạn chuyển đổi từ đơn cực sang đa cực (Trần Bá Khoa, 2008). Dù Mỹ vẫn duy trì vị thế cường quốc thống trị về kinh tế, chính trị, và quân sự, xu hướng hợp tác và cạnh tranh kinh tế - chính trị đã trở thành phương thức chủ đạo trong quan hệ quốc tế, thay thế mô hình đối đầu quân sự vốn gây tổn thất nặng nề như trong thời kỳ Chiến tranh Lạnh (Lý Thực Cốc, 1996). Tuy nhiên, thế giới hiện nay đối mặt với những thách thức phức tạp, bao gồm các xung đột nội bộ tại châu Âu, châu Á, và đặc biệt Trung Đông, nơi mâu thuẫn tôn giáo, sắc tộc, và tranh giành tài nguyên vẫn âm ỉ (Center, 2014). Theo Joseph Nye (2012), hơn 95% trong số 111 xung đột từ sau Chiến tranh Lạnh là nội chiến, nhiều cuộc bị quốc tế hóa do sự can thiệp của các cường quốc, làm gia tăng bất ổn toàn cầu. Bên cạnh đó, sự biến động của các liên minh như NATO, EU, và BRICS, cùng sự ra đời của các tổ chức như SCO, AU, GCC, và EAEU từ sau năm 2000, phản ánh xu hướng đa cực hóa, tạo ra cả cơ hội và thách thức cho an ninh khu vực. Chiến tranh thương mại Mỹ - Trung từ 2018, khủng hoảng kinh tế sau COVID-19, và Cách mạng Công nghiệp 4.0 với sự gia tăng 47% người dùng Internet dự kiến từ 2024 đến 2029 (Pelchen, 2024) đã thúc đẩy cạnh tranh công nghệ và an ninh mạng, đồng thời làm

nổi bật các vấn đề toàn cầu như cạn kiệt tài nguyên và biến đổi khí hậu. Đặc biệt, xung đột Nga - Ukraine đã nâng cao vai trò của Trung Đông trong năng lượng, buộc Mỹ và Nga điều chỉnh chiến lược trước sự trỗi dậy của Trung Quốc qua Sáng kiến Vành đai và Con đường, tạo ra một bối cảnh thế giới vừa hợp tác vừa đối đầu, đầy bất ổn nhưng tiềm ẩn cơ hội phát triển.

Tình hình Trung Đông:

Kể từ năm 2000, Trung Đông tiếp tục là tâm điểm của bất ổn do các yếu tố như xung đột tôn giáo, mâu thuẫn lịch sử, và tham nhũng chính trị. Chiến tranh Iraq (2003) gây ra hỗn loạn, làm trỗi dậy các nhóm phiến quân như IS và tạo cơ hội cho Iran mở rộng ảnh hưởng, đồng thời làm suy giảm uy tín Mỹ do chi phí khổng lồ và phản ứng quốc tế tiêu cực. Tiến trình hòa bình Israel - Palestine rơi vào bế tắc, với bạo lực leo thang tại Gaza từ 2021, trong khi Mỹ duy trì chiến lược chống khủng bố và bảo vệ đồng minh, làm phức tạp tình hình (Lê Xuân Thuận, 2022). JCPOA (2015) rơi vào đình trệ do Mỹ rút lui năm 2018, tái áp đặt trừng phạt, khiến Iran tăng làm giàu uranium và giảm hợp tác với IAEA, trong khi sự thiếu tin tưởng và can thiệp từ Israel, Ả Rập Saudi cản trở đàm phán. Sau Mùa xuân Ả Rập, nội chiến Syria và sự trỗi dậy của IS tiếp tục đe dọa an ninh khu vực, với tàn dư khủng bố vẫn hoạt động tại Afghanistan (Nguyễn Thanh Hiền, 2018). Sự hiện diện của các cường quốc như Mỹ, Nga, và Trung Quốc, cùng các đồng minh mới (Trung - Nga, Trung - Iran, hay Ả Rập Saudi - UAE), đã thay đổi cán cân quyền lực, dẫn đến mâu thuẫn và hợp tác đan xen, ảnh hưởng sâu sắc đến thị trường dầu mỏ và an ninh toàn cầu.

2.2.3. Quan hệ Nga - Mỹ từ năm 1991 đến năm 2000

Sau Chiến tranh Lạnh, quan hệ Nga - Mỹ chuyển từ đối đầu sang hợp tác, với Tổng thống Bill Clinton và Boris Yeltsin thúc đẩy quan hệ đối tác qua các hiệp định như Hiến chương Washington (1992) và Tuyên bố Vancouver (1993), tập trung vào kinh tế, an ninh, và cải cách chính trị (Hà Mỹ Hương, 2003). Hợp tác kiểm soát vũ khí hạt nhân qua START I (1991), START II (1993), và START III (2002) giúp giảm căng thẳng và loại bỏ vũ khí lạc hậu, củng cố an ninh toàn cầu. Mỹ hỗ trợ Nga vượt qua khủng hoảng tài chính 1998 thông qua IMF (22,6 tỷ USD), Ngân hàng Thế giới,

và viện trợ kỹ thuật, giúp Nga phục hồi kinh tế. Tuy nhiên, sự mở rộng NATO về phía Đông, đặc biệt cuộc không kích Nam Tư (1999) và việc Séc, Hungary, Ba Lan gia nhập NATO, làm gia tăng căng thẳng, đặt nền móng cho cạnh tranh chiến lược sau này. Sự sụp đổ của Liên Xô tạm thời giảm ảnh hưởng Nga, nhưng dưới thời Vladimir Putin, Nga bắt đầu tái khẳng định vai trò tại Trung Đông, thách thức trật tự do Mỹ dẫn dắt, tạo bối cảnh quan trọng cho cuộc cạnh tranh từ 2000 đến 2024.

Chương 3. CẠNH TRANH CHIẾN LƯỢC NGÀ-MỸ TẠI TRUNG ĐÔNG TRONG GIAI ĐOẠN 2000-2024 QUA CÁC CÔNG CỤ QUYỀN LỰC

3.1. Chính sách của Nga và Mỹ đối với Trung Đông

3.1.1. Chính sách của Nga tại khu vực từ sau năm 2000

Trong khi đó, chính sách của Nga tại Trung Đông từ năm 2000 đến 2024 có thể được thể hiện qua hai giai đoạn chính, phản ánh mục tiêu khôi phục vị thế cường quốc, đối trọng với Mỹ và bảo vệ lợi ích kinh tế.

Thứ nhất, giai đoạn 2000-2014 tập trung xây dựng nền tảng quan hệ với các quốc gia như Syria và Iran thông qua hợp tác quân sự (cung cấp vũ khí cho Syria) và năng lượng (dự án hạt nhân với Iran), nhằm thiết lập chỗ đứng tại khu vực.

Thứ hai, giai đoạn 2015-2024 đánh dấu bước ngoặt quan trọng trong chính sách đối ngoại của Nga tại Trung Đông và Bắc Phi, khi Nga tăng cường can thiệp quân sự và xây dựng các mối quan hệ chiến lược nhằm mở rộng ảnh hưởng, đồng thời thách thức sự thống trị lâu dài của Mỹ tại khu vực. Cuộc can thiệp quân sự vào Syria từ tháng 9/2015 là minh chứng rõ nét cho tham vọng tái khẳng định vị thế siêu cường của Nga, với mục tiêu bảo vệ chính quyền Assad - đồng minh chiến lược lâu năm - và duy trì quyền tiếp cận các căn cứ quân sự trọng. Dù tuyên bố chống khủng bố, thực chất Nga hướng tới bảo vệ lợi ích chính trị và quân sự lâu dài tại khu vực.

Bên cạnh đó, Nga thể hiện sự linh hoạt trong quan hệ với Thổ Nhĩ Kỳ, hợp tác chiến lược sâu rộng trong các lĩnh vực chính trị, quân sự và năng lượng, điển hình là dự án đường ống TurkStream. Việc kéo Thổ Nhĩ Kỳ - thành viên NATO - vào quỹ

đạo hợp tác đã tạo ra rạn nứt trong liên minh phương Tây, làm suy yếu ảnh hưởng của Mỹ tại Đông Địa Trung Hải. Ngoài ra, Nga tăng cường hợp tác kinh tế và năng lượng với Ả Rập Saudi, nhằm củng cố vị thế tại Trung Đông và giảm sự phụ thuộc của Riyadh vào Washington.

3.1.2. Chính sách của Mỹ tại khu vực từ sau năm 2000

Giai đoạn 2000-2009: Chính quyền George W. Bush: Sau vụ khủng bố 11/9/2001, Mỹ phát động “Chiến tranh chống khủng bố”, duy trì sự hiện diện quân sự tại các nước vùng Vịnh.

Giai đoạn 2009-2017: Chính quyền Barack Obama chuyển từ can thiệp quân sự sang ngoại giao và hợp tác đa phương.

Giai đoạn 2017-2020: Chính quyền Donald Trump đã rút khỏi JCPOA (2018), áp dụng chính sách “áp lực tối đa” với Iran qua trừng phạt kinh tế.

Giai đoạn 2020-2024: Chính quyền Joe Biden tập trung vào ngoại giao, nhân đạo và ổn định khu vực.

Như vậy, từ năm 2000 đến 2024, chính sách Mỹ tại Trung Đông đã chuyển từ can thiệp quân sự (dưới thời Tổng thống Bush) sang ngoại giao đa phương (Tổng thống B. Obama), đến thực dụng song phương (Tổng thống D. Trump), và cuối cùng là kết hợp ngoại giao-nhân đạo (dưới thời J. Biden).

3.2. Thực tiễn cạnh tranh Nga - Mỹ tại Trung Đông từ năm 2000 đến năm 2024

3.2.1. Đối với công cụ chính trị

Về mặt chính trị, Mỹ đã duy trì vị thế thông qua các liên minh bền vững với Israel, Ả Rập Saudi và các nước Vùng Vịnh, tận dụng các sáng kiến như Thỏa thuận Abraham để củng cố ảnh hưởng. Trong khi đó, Nga xây dựng quan hệ chặt chẽ với Iran và Syria, khai thác các lỗ hổng trong chính sách cô lập của nước này để mở rộng phạm vi hiện diện. Các sự kiện như Mùa Xuân Ả Rập hay Nội chiến Syria đã làm nổi bật sự đối lập: các chính quyền Mỹ đã ủng hộ các phong trào dân chủ và thay đổi chế độ, còn Nga ưu tiên ổn định bằng cách hậu thuẫn các chính quyền đồng minh. Sự khác biệt này không chỉ định hình lại quan hệ chính trị khu vực mà còn làm sâu sắc thêm sự phân cực trong quan hệ quốc tế.

**Bảng 3.1: So sánh chiến lược chính trị của Mỹ và Nga
đối với Trung Đông từ 2000-2024**

Giai đoạn	Nga	Mỹ	Kết quả cạnh tranh
2000-2008	- Phản đối chiến tranh Iraq tại Liên Hợp Quốc - Duy trì quan hệ với Syria và Iran	- Can thiệp quân sự vào Iraq (2003) - Thiết lập chính quyền mới tại Iraq - Dẫn dắt các cuộc đàm phán Israel-Palestine	- Mỹ củng cố ảnh hưởng tại Iraq và Israel - Nga duy trì quan hệ với Syria và Iran
2009-2015	- Bảo vệ chính quyền Assad tại Liên Hợp Quốc - Tăng cường hỗ trợ quân sự cho Syria	- Hỗ trợ phong trào Mùa xuân Ả Rập - Can thiệp quân sự vào Libya (2011) - Hỗ trợ các nhóm nổi dậy tại Syria	- Mỹ gặp khó khăn tại Syria và Libya - Nga bảo vệ thành công chính quyền Assad
2015-2024	- Can thiệp quân sự trực tiếp vào Syria (2015) - Thiết lập Tiến trình Astana - Mở rộng quan hệ với Thổ Nhĩ Kỳ và Libya	- Dẫn đầu liên minh chống ISIS - Hỗ trợ lực lượng người Kurd (SDF) tại Syria	- Nga mở rộng ảnh hưởng tại Syria, Thổ Nhĩ Kỳ, Libya - Mỹ mất dần vị thế tại Syria

(Nguồn: NCS tổng hợp)

3.2.2. Đối với công cụ an ninh - quân sự

Về an ninh - quân sự, từ sau năm 2000, Mỹ duy trì ưu thế vượt trội nhờ các căn cứ quân sự tại Qatar, Bahrain và UAE, trong khi chính quyền của Tổng thống Putin và Medvedev đều nỗ lực củng cố vị trí qua các căn cứ ở Syria và quan hệ quốc phòng với Iran. Các cuộc xung đột ủy nhiệm, đặc biệt tại Syria, đã trở thành đấu trường chính cho sự đối đầu gián tiếp giữa hai cường quốc, đồng thời thúc đẩy chạy đua vũ trang trong khu vực. Sự can thiệp quân sự của Nga từ năm 2015 không chỉ hỗ trợ chính quyền Assad mà còn khẳng định vai trò quan trọng của Nga tại Trung Đông, làm cho nước này thành một nhân tố không thể thiếu trong cục diện an ninh khu vực.

Bảng 3.2: So sánh chiến lược cạnh tranh an ninh quân sự giữa Nga và Mỹ tại Trung Đông từ năm 2000 đến năm 2024

Giai đoạn	Nga	Mỹ
2000–2008	• Hiện diện quân sự trực tiếp tại Trung Đông gần như không đáng kể. • Duy trì bán vũ khí hạn chế cho Syria, Iran — quan hệ nền tảng, chưa mang tính đột phá.	• Can thiệp quân sự trực tiếp vào Iraq (2003), thiết lập chính quyền mới. • Bắt đầu mở rộng mạng lưới căn cứ quân sự tại vùng Vịnh.
2009–2014	• Tăng cường bán vũ khí, cổ vũ quân sự cho Syria — chuẩn bị nền tảng cho can thiệp trực tiếp sau này. • Chưa triển khai lực lượng chiến đấu trực tiếp tại khu vực.	• Can thiệp quân sự vào Libya (2011); hỗ trợ các nhóm nổi dậy tại Syria. • Duy trì mạng lưới căn cứ quân sự tại vùng Vịnh.
2015–2024	• Can thiệp quân sự trực tiếp tại Syria (2015), duy trì	• Dẫn đầu liên minh chống ISIS; duy trì ~30.000 quân, 18

	~2.000–3.000 quân, căn cứ Tartus, Latakia. • Bán hệ thống S-400 cho Thổ Nhĩ Kỳ — thành viên NATO (2019, 2,5 tỷ USD) và S-300 cho Iran (2016, 1 tỷ USD).	căn cứ tại Qatar, Ả Rập Xê Út, UAE. • Viện trợ quân sự Israel (>3 tỷ USD/năm); bán F-35 cho UAE (2019, 35 tỷ USD).
Giai đoạn	Nga	Mỹ

(Nguồn: NCS tổng hợp)

3.2.3. Đối với công cụ kinh tế

Xét trên khía cạnh kinh tế, cạnh tranh tập trung vào việc kiểm soát thị trường năng lượng và thương mại vũ khí. Mỹ chú trọng đảm bảo nguồn cung dầu mỏ từ các nước Vùng Vịnh, trong khi Nga phát triển hợp tác năng lượng với Iran và Syria, đặc biệt sau các lệnh trừng phạt từ phương Tây. Những biến động như cuộc chiến giá dầu năm 2020 đã ảnh hưởng lớn đến chiến lược kinh tế của cả hai bên và các quốc gia Trung Đông. Sự phụ thuộc vào dầu mỏ tiếp tục là yếu tố cốt lõi, vì vậy, cả hai cường quốc đều tìm cách tối đa hóa lợi ích từ tài nguyên này, từ đó làm gia tăng tính cạnh tranh kinh tế trong khu vực.

Bảng 3.3: So sánh chiến lược cạnh tranh kinh tế giữa Nga và Mỹ tại Trung Đông từ năm 2000 đến năm 2024

Giai đoạn	Nga	Mỹ	Kết quả cạnh tranh
2000–2008	Kinh tế trong nước đang phục hồi sau khủng hoảng 1998; năng lực cạnh tranh năng lượng tại Trung Đông còn hạn chế.	- Giữ vai trò trung tâm trong bảo đảm an ninh tuyến vận chuyển dầu qua Eo biển Hormuz. - Ký FTA với Jordan (2001) — mở đầu	Mỹ chi phối gần như tuyệt đối cấu trúc kinh tế – năng lượng khu vực; Nga chưa phải là đối trọng đáng kể — Mức 1 theo Bảng 2.1.

		chiến lược mở rộng thị trường khu vực.	
2009–2014	Bắt đầu triển khai các dự án năng lượng dài hạn tại Iran (điện hạt nhân Bushehr, vận hành từ 2011).	Ký thêm FTA với Oman, Bahrain (2006); siết trừng phạt Iran từ 2012, khiến doanh thu dầu Iran giảm từ 2,5 xuống 1,1 triệu thùng/ngày (2011–2013).	Mỹ dùng hiệu quả công cụ trừng phạt để kiềm chế ảnh hưởng kinh tế của các đối tác thân Nga; Nga chịu tác động gián tiếp nhưng vẫn duy trì quan hệ — cạnh tranh chuyển sang Mức 2 (ngưỡng thấp).
2015–2024	- Mở rộng mạnh qua TurkStream (hoàn thành 2020, 31,5 tỷ m³ khí/năm, ~7 tỷ USD doanh thu/năm). - Hợp tác OPEC+ (từ 2016) để ổn định giá dầu; hợp tác hạt nhân – dầu khí với Ai Cập (nhà máy Dabaa).	- Duy trì bảo đảm an ninh tuyến Hormuz (21 triệu thùng/ngày); đầu tư dầu khí qua ExxonMobil, Chevron tại vùng Vịnh. - Tiếp tục duy trì trừng phạt kinh tế đối với Iran.	Nga chuyển hoá thành công lợi thế tài nguyên thành đòn bẩy kinh tế (OPEC+, TurkStream), thu hẹp khoảng cách ảnh hưởng với Mỹ dù vẫn ở thế yếu hơn tổng thể nhưng duy trì Mức 2, thể hiện rõ khả năng kiểm soát leo thang qua phối hợp OPEC+ dù căng thẳng chính trị gia tăng.

(Nguồn: NCS tổng hợp)

3.2.3. Về Khoa học công nghệ

Trong giai đoạn 2000-2024, KHCN đã nổi lên như một yếu tố trung tâm trong cuộc cạnh tranh chiến lược giữa Nga và Mỹ tại Trung Đông - khu vực mang ý nghĩa

địa chính trị và tài nguyên quan trọng với sự phụ thuộc lớn vào dầu mỏ. Bên cạnh đó, Thông qua chuyển giao vũ khí, hợp tác R&D đến công nghệ không gian và an ninh mạng, cạnh tranh KHCN giữa Nga và Mỹ không chỉ phản ánh tham vọng bá quyền mà còn tác động sâu rộng đến an ninh và ổn định Trung Đông, ảnh hưởng đến cán cân quyền lực toàn cầu trong bối cảnh toàn cầu hóa.

3.3. Nhận xét chung

3.3.1. Ảnh hưởng của các sự kiện lớn trong cạnh tranh Nga - Mỹ

Cạnh tranh chiến lược giữa Nga và Mỹ tại Trung Đông từ năm 2000 đến 2024 là một quá trình phức tạp, chịu ảnh hưởng sâu sắc từ nhiều sự kiện quan trọng. Trong đó có các sự kiện nổi bật nhất như Chiến tranh Iraq năm 2003, Mùa xuân Ả Rập, Cuộc nội chiến Syria năm 2011, Thỏa thuận hạt nhân Iran JCPOA năm 2015 và xung đột giữa Nga và Ukraine năm 2022. Những sự kiện này không chỉ định hình chiến lược của hai cường quốc tại Trung Đông mà còn phản ánh cuộc cạnh tranh quyền lực toàn cầu của hai bên.

3.3.2. Vai trò của đồng minh và đối tác chính của Nga và Mỹ

Mỹ gần như dựa vào Israel và Ả Rập Saudi để duy trì ảnh hưởng quân sự và kinh tế, trong khi Nga tận dụng Iran và Syria để đối trọng với phương Tây. Thổ Nhĩ Kỳ, với lập trường linh hoạt, vừa hợp tác vừa cạnh tranh với cả hai bên, làm tăng thêm sự phức tạp cho bức tranh địa chính trị Trung Đông. Sự tương tác giữa hai cường quốc và các đồng minh đã tạo nên một khu vực đầy cạnh tranh, phản ánh tính chất đa cực của quan hệ quốc tế đương đại.

Chương 4. TÁC ĐỘNG VÀ DỰ BÁO XU HƯỚNG CỦA CẠNH TRANH CHIẾN LƯỢC NGA - MỸ TẠI TRUNG ĐÔNG - HÀM Ý CHO VIỆT NAM

4.1. Tác động của cạnh tranh chiến lược Nga - Mỹ

4.1.1. Đối với Nga và Mỹ

cạnh tranh giúp Nga củng cố vị thế cường quốc nhưng chịu áp lực trừng phạt và chi phí nguồn lực; Mỹ duy trì lợi ích năng lượng - quân sự nhưng đối mặt chi phí lớn và suy giảm uy tín.

Các tác động không dừng lại ở việc làm thay đổi vị thế riêng rẽ của Nga hay Mỹ, mà quan trọng hơn, đã tái định hình chính quá trình cạnh tranh giữa hai cường quốc này. Cục diện cạnh tranh Nga – Mỹ ngày càng mang tính đa tầng và đa lĩnh vực. Những tác động này góp phần chuyển cạnh tranh Nga – Mỹ từ trạng thái đối đầu mang tính cục bộ sang một quá trình cạnh tranh phức hợp, đan xen giữa xung đột, kiềm chế và hợp tác chức năng hạn chế.

4.1.2. Đối với khu vực

Cạnh tranh Nga - Mỹ đã làm gia tăng bất ổn chính trị và xung đột vũ trang, thể hiện qua các cuộc chiến ủy nhiệm tại Syria và Yemen, cũng như sự trỗi dậy của các nhóm khủng bố như ISIS (hơn 3.000 vụ tấn công tại Syria và Iraq từ 2014-2024). Điều này dẫn đến khủng hoảng nhân đạo nghiêm trọng, với hơn 13 triệu người Syria cần hỗ trợ nhân đạo năm 2024 và làn sóng di cư gây áp lực cho các nước láng giềng như Thổ Nhĩ Kỳ, Jordan. Tuy nhiên, cạnh tranh cũng tạo cơ hội cho các quốc gia khu vực như Qatar hay UAE tận dụng sự đối đầu để cân bằng quan hệ và tối đa hóa lợi ích quốc gia.

4.1.3. Đối với thế giới

Diễn hình là quan hệ giữa hai quốc gia tại khu vực đã làm phức tạp thêm tình hình quan hệ quốc tế, gia tăng căng thẳng trong các tổ chức đa phương như Liên Hợp Quốc và ảnh hưởng đến thị trường năng lượng toàn cầu (giá dầu tăng lên 139 USD/thùng năm 2022). Sự phân cực liên minh (Nga - Iran, Mỹ - Ả Rập Saudi) và chạy đua vũ trang (Trung Đông chiếm 8/25 quốc gia nhập khẩu vũ khí lớn nhất thế giới giai đoạn 2018-2022) góp phần định hình trật tự thế giới đa cực, với vai trò ngày càng tăng của Trung Quốc và EU. Những thay đổi này không chỉ làm suy yếu trật tự đơn cực của Mỹ mà còn lan tỏa bất ổn ra các khu vực khác như châu Âu và châu Á thông qua khủng bố và biến động kinh tế.

4.2. Dự báo xu hướng cạnh tranh chiến lược Nga - Mỹ trong tương lai gần

4.2.1. Cơ sở dự báo

Thứ nhất, xu hướng địa chính trị toàn cầu và sự phát triển của khoa học công nghệ. Thứ hai, tình hình an ninh khu vực. Thứ ba, chính sách đối ngoại của Nga và Mỹ.

4.2.2. Kịch bản dự báo

Dựa trên tình hình chính trị, kinh tế và an ninh hiện tại, luận án cũng đã đề xuất ba kịch bản dự báo về cạnh tranh: (1) tiếp tục cạnh tranh gay gắt nếu xung đột Ukraine kéo dài, (2) hợp tác có chọn lọc nếu giữa các bên có thỏa thuận về chống khủng bố hoặc giá dầu, và (3) sự trỗi dậy của các cường quốc khác trong khu vực.

4.3. Hàm ý cho quốc gia trong bối cảnh cạnh tranh chiến lược

4.3.1. Hàm ý cho nước trong quá trình cạnh tranh nước lớn

Các quốc gia nhỏ, có thể tận dụng cơ hội đa dạng hóa đối tác và tăng đòn bẩy ngoại giao, nhưng cần tránh rủi ro bị cuốn vào xung đột. Đầu tiên, các nước nhỏ cần duy trì chính sách đối ngoại độc lập và linh hoạt. Thứ hai, các quốc gia cần tiếp tục duy trì đa dạng hóa quan hệ kinh tế để giảm sự phụ thuộc vào một cường quốc nào. Thứ ba, tăng cường hợp tác an ninh khu vực cũng là một trong những vấn đề trọng tâm để tránh nguy cơ bất ổn từ ảnh hưởng của cạnh tranh chiến lược Nga - Mỹ trong khu vực. Cuối cùng, các quốc gia khác trong khu vực và trên thế giới cần phát triển năng lực tự chủ về quốc phòng và công nghệ.

4.3.2. Hàm ý cho Việt Nam

Đầu tiên, Việt Nam có thể tiếp tục duy trì chính sách “đa phương hóa, đa dạng hóa” với các quốc gia trên toàn thế giới. Thứ hai, đa dạng hóa các đối tác kinh tế nhằm giúp nước ta có thể giảm phụ thuộc vào một thị trường nhất định. Thứ ba, Việt Nam cần chủ động tăng cường hợp tác an ninh khu vực và quốc tế. Thứ tư, đầu tư vào công nghệ và quốc phòng để tăng cường tự chủ có thể được chú trọng nhiều hơn trong bối cảnh sự bùng nổ của trí tuệ nhân tạo. Cuối cùng, Việt Nam có thể áp dụng các chiến lược xây dựng chiến lược ngoại giao mềm dẻo và linh hoạt để duy trì quan hệ tốt đẹp với các cường quốc lớn.

KẾT LUẬN

Luận án “Cạnh tranh chiến lược Nga - Mỹ tại Trung Đông từ năm 2000 đến năm 2024” đã tiến hành nghiên cứu sự vận động của cạnh tranh chiến lược giữa Liên bang Nga và Mỹ tại khu vực Trung Đông trong giai đoạn từ năm 2000 đến năm 2024,

trên cơ sở vận dụng khung lý thuyết chủ nghĩa hiện thực cấu trúc kết hợp với cách tiếp cận địa chính trị và phân tích hệ thống. Qua quá trình nghiên cứu, luận án đã đạt được một số kết quả chủ yếu sau đây.

Thứ nhất, luận án đã hệ thống hóa và vận dụng có chọn lọc lý thuyết chủ nghĩa hiện thực cấu trúc của Waltz (1979) làm nền tảng lý luận chủ đạo cho toàn bộ quá trình phân tích. Theo lý thuyết này, sự cạnh tranh giữa Nga và Mỹ tại Trung Đông không phát sinh từ ý chí chủ quan hay các tính toán ngắn hạn của từng chính quyền cụ thể, mà là hệ quả mang tính cấu trúc của hệ thống quốc tế vô chính phủ: trong điều kiện không có thực thể quyền lực tối cao đứng trên các quốc gia, các cường quốc buộc phải theo đuổi lợi ích an ninh tương đối và kiềm chế đối phương tích lũy quyền lực vượt trội, bất kể ý định của đối phương là gì. Trên cơ sở lý luận đó, luận án xây dựng khung phân loại mức độ cạnh tranh với ba cấp độ bao gồm cạnh tranh hạn chế, cạnh tranh gay gắt nhưng được kiểm soát, và cạnh tranh đối đầu cao. Ngoài ra, theo hệ thống chỉ báo nhận diện trên bốn phương diện: phạm vi các công cụ can dự, cường độ tương tác trực tiếp, mức độ đối đầu trực diện giữa hai bên và tác động đến cấu trúc quyền lực khu vực. Bên cạnh đó, luận án làm rõ bối cảnh địa chính trị của khu vực Trung Đông bao gồm vị trí địa chiến lược trung tâm, vai trò là trung tâm năng lượng toàn cầu, nút giao thương chiến lược kết nối các châu lục và cấu trúc bất ổn mang tính lịch sử như cơ sở thực tiễn tạo nên những điều kiện đặc thù quy định hình thức và phương thức vận hành cụ thể của cạnh tranh Nga – Mỹ tại khu vực.

Thứ hai, luận án tập trung vào nhiệm vụ phân tích sự vận động của cạnh tranh chiến lược Nga – Mỹ qua ba giai đoạn lịch sử và bốn công cụ cạnh tranh nhằm đưa ra những nhận định có tính hệ thống. Trong giai đoạn từ năm 2000 đến năm 2008, cạnh tranh giữa hai cường quốc diễn ra ở mức độ hạn chế. Mỹ đã triển khai chiến lược can thiệp đơn phương tại Afghanistan và Iraq với tư cách siêu cường có ưu thế vượt trội, đồng thời thúc đẩy mô hình dân chủ hóa và tái cấu trúc trật tự Trung Đông theo hướng phù hợp với lợi ích chiến lược của mình. Về phía Liên bang Nga, trong bối cảnh đang tái củng cố nguồn lực nội tại dưới sự lãnh đạo của tổng thống V. Putin, phản ứng chiến lược chủ yếu thể hiện qua việc duy trì và mở rộng quan hệ ngoại giao

với các quốc gia nằm ngoài quỹ đạo ảnh hưởng của Mỹ, khai thác quyền phủ quyết tại Hội đồng Bảo an Liên Hợp Quốc như công cụ đa phương nhằm kiềm chế đơn phương chủ nghĩa của nước này, đồng thời từng bước củng cố quan hệ với Syria và Iran như những điểm tựa chiến lược tại khu vực. Sang giai đoạn từ năm 2009 đến năm 2014, làn sóng Mùa xuân Ả Rập tạo ra bước ngoặt quan trọng làm tăng mạnh mức độ cạnh tranh giữa hai cường quốc. Trong khi chính quyền Mỹ ủng hộ các phong trào dân chủ và thúc đẩy thay đổi chính quyền tại Ai Cập, Libya và Syria, Liên bang Nga nhất quán bảo vệ nguyên tắc chủ quyền quốc gia, sử dụng quyền phủ quyết để ngăn chặn các nghị quyết bất lợi cho chính quyền Assad tại Hội đồng Bảo an. Trong giai đoạn này, cạnh tranh tại Syria với mỗi bên hỗ trợ các lực lượng đối lập nhau trên thực địa - trở thành hình thức cạnh tranh đặc trưng nhất, đánh dấu sự chuyển dịch từ cạnh tranh ngoại giao sang cạnh tranh quân sự gián tiếp mà không dẫn đến đối đầu trực tiếp giữa lực lượng của hai cường quốc. Đến giai đoạn từ năm 2015 đến năm 2024, cạnh tranh chiến lược Nga – Mỹ tại Trung Đông đạt đến mức độ cao nhất kể từ sau Chiến tranh Lạnh. Quyết định của Liên bang Nga tiến hành can thiệp quân sự quy mô lớn vào Syria từ tháng 9/2015 – lần đầu tiên kể từ sau Chiến tranh Lạnh Nga triển khai sức mạnh quân sự ở phạm vi ngoài không gian hậu Xô viết – không chỉ bảo vệ thành công chính quyền Assad mà còn có ý nghĩa chiến lược vượt ra ngoài Syria: tái khẳng định vị thế của Liên bang Nga như một cường quốc không thể thiếu trong việc định hình cục diện địa chính trị Trung Đông. Trong cùng giai đoạn này, cạnh tranh mở rộng sang nhiều chiều cạnh mới: thương vụ hệ thống phòng thủ S-400 với Thổ Nhĩ Kỳ – một đồng minh NATO – là minh chứng cho thấy phạm vi cạnh tranh đã vượt ra ngoài các công cụ truyền thống; sự phối hợp OPEC+ giữa Liên bang Nga và Ả Rập Xê Út cho thấy năng lượng trở thành công cụ cạnh tranh địa chính trị; cuộc xung đột Nga – Ukraine từ năm 2022 và xung đột Israel – Hamas từ tháng 10/2023 tiếp tục làm phức tạp thêm tương tác chiến lược giữa hai cường quốc tại khu vực.

Thứ ba, luận án xác định cạnh tranh chiến lược Nga – Mỹ trong giai đoạn nghiên cứu để lại những tác động có tầm quan trọng kép. Đối với cục diện an ninh

khu vực Trung Đông, cạnh tranh giữa hai cường quốc vừa làm gia tăng bất ổn tại nhiều địa bàn – Syria, Iraq, Yemen – vừa tạo ra không gian chiến lược mới cho các quốc gia khu vực. Đặc biệt, các quốc gia như Ả Rập Xê Út, các tiểu vương quốc Ả Rập Thống nhất, Thổ Nhĩ Kỳ và Israel ngày càng chủ động thực hành chiến lược phòng ngừa linh hoạt, khai thác sự cạnh tranh giữa Nga và Mỹ để nâng cao vị thế chiến lược và mở rộng không gian tự chủ trong chính sách đối ngoại của mình. Đối với xu hướng chuyển dịch trật tự quốc tế, quá trình 24 năm cạnh tranh này cung cấp bằng chứng thực tiễn về sự vận hành của cơ chế cân bằng quyền lực trong thế kỷ XXI: ưu thế vượt trội của Mỹ tại Trung Đông trong thập niên đầu sau Chiến tranh Lạnh đã dần bị thu hẹp, cục diện quyền lực tại khu vực ngày càng mang tính đa cực hơn – một xu hướng phù hợp với dự báo của lý thuyết chủ nghĩa hiện thực cấu trúc về tính tất yếu của cân bằng quyền lực trong hệ thống quốc tế vô chính phủ. Trên cơ sở phân tích các biến số cấu trúc – tương quan lực lượng tổng thể, xu hướng phân tán nguồn lực của từng bên, và vai trò ngày càng gia tăng của các quốc gia tầm trung tại khu vực – luận án xây dựng các kịch bản dự báo và rút ra hàm ý chính sách tham khảo cho Việt Nam.

Trên cơ sở tổng hợp các kết quả phân tích, có thể rút ra năm đặc điểm cơ bản phản ánh bản chất của cạnh tranh chiến lược Nga – Mỹ tại Trung Đông trong giai đoạn 2000–2024. *Thứ nhất*, cạnh tranh mang tính không đối xứng nhưng không đơn tuyến: mặc dù Mỹ duy trì ưu thế vượt trội về tổng lực như quy mô GDP, mạng lưới đồng minh và hệ thống căn cứ quân sự, song Liên bang Nga liên tục đạt được các mục tiêu chiến lược cụ thể với nguồn lực ít hơn đáng kể, minh chứng rõ nhất là việc bảo vệ thành công chính quyền Assad. Điều này cho thấy ưu thế tổng lực không tự động chuyển hóa thành ưu thế chiến thuật tại từng địa bàn cụ thể. *Thứ hai*, cạnh tranh diễn ra trên nhiều lĩnh vực đan xen, trong đó không loại trừ những yếu tố phối hợp có điều kiện: điển hình là cơ chế phối hợp giảm thiểu xung đột tại Syria, kênh liên lạc quân sự song phương được duy trì nhằm tránh đụng độ ngẫu nhiên giữa lực lượng của hai bên. Điều này phản ánh thực tế là cạnh tranh chiến lược trong thế kỷ XXI không đồng nhất với đối đầu toàn diện theo kiểu Chiến tranh Lạnh. *Thứ ba*, cạnh

tranh có xu hướng leo thang nhưng được kiểm soát dưới một ngưỡng nhất định: dù cường độ gia tăng đáng kể sau năm 2015 và càng phức tạp hơn sau năm 2022, cả hai cường quốc đều nhất quán tránh đối đầu quân sự trực tiếp với nhau, phản ánh sự tác động của ngưỡng kiểm chế hạt nhân như một biến số độc lập có tính ổn định cao trong hệ thống quốc tế. Thứ tư, quá trình cạnh tranh giai đoạn 2000 – 2024 phản ánh xu hướng tái cân bằng quyền lực diễn ra theo lộ trình chậm và liên tục: khoảng cách quyền lực giữa Nga và Mỹ tại Trung Đông đã thu hẹp đáng kể so với thập niên 1990, xác nhận dự báo cân bằng quyền lực của chủ nghĩa hiện thực cấu trúc song không theo lộ trình đột ngột mà theo cơ chế điều chỉnh dần và cộng dồn qua nhiều thập niên. Thứ năm, tính chủ động ngày càng gia tăng của các quốc gia tầm trung khu vực là một đặc điểm quan trọng: Ả Rập Xê Út, Các Tiểu vương quốc Ả Rập Thống nhất, Thổ Nhĩ Kỳ và Israel không còn đóng vai trò đầu trường thụ động mà trở thành những chủ thể có khả năng tác động trở lại vào tính toán chiến lược của cả hai cường quốc.

Về cơ bản, chủ nghĩa hiện thực cấu trúc trong nghiên cứu của luận án đã giải thích những quy luật vận hành cơ bản của cạnh tranh, thể hiện trên ba phương diện: một là, chủ nghĩa hiện thực cấu trúc đã lý giải chính xác tại sao cạnh tranh tất yếu xảy ra và tại sao nó leo thang khi tương quan quyền lực thay đổi. Thực tiễn cho thấy sự trỗi dậy của Liên bang Nga từ đầu thập niên 2000 đã lập tức kích hoạt phản ứng cân bằng từ phía Mỹ, đúng như lý thuyết dự báo. Hai là, chủ nghĩa hiện thực cấu trúc đã phản ánh đúng logic hành vi của cả hai bên theo nguyên tắc tối đa hóa an ninh tương đối, không phải lợi ích tuyệt đối. Mọi quyết sách chiến lược của Nga hay Mỹ tại Trung Đông đều có thể nhìn nhận thông qua lăng kính về tương quan lực lượng với đối phương. Ba là, cơ chế cân bằng quyền lực vận hành xuyên suốt giai đoạn nghiên cứu theo đúng dự báo của lý thuyết, dù với nhịp độ và hình thức khác với Chiến tranh Lạnh. Tuy nhiên, chủ nghĩa hiện thực cấu trúc ở tầm vĩ mô chưa cung cấp đủ công cụ để lý giải hình thức cụ thể của cạnh tranh tại sao là xung đột ủy nhiệm và ngoại giao dầu mỏ thay vì đối đầu trực tiếp; tại sao các nhân tố phi nhà nước như IS hay Hamas có khả năng định hình cục diện lớn đến vậy; và tại sao mỗi chính quyền Mỹ lại triển khai chiến lược Trung Đông theo hướng khác nhau dù đều theo đuổi lợi ích cấu trúc

tương tự. Chính những giới hạn đó đặt ra sự cần thiết phải bổ sung cách tiếp cận địa chính trị như một chiều phân tích song hành: nếu chủ nghĩa hiện thực cấu trúc giúp luận án giải thích câu hỏi tại sao và khi nào cạnh tranh xảy ra, thì cách tiếp cận địa chính trị đóng góp vào việc lý giải ở đâu và theo cơ chế nào cạnh tranh đó biểu hiện trong điều kiện đặc thù của Trung Đông.

Cuối cùng, đối với đóng góp của luận án, trên phương diện lý luận, luận án đã xây dựng và vận dụng có hệ thống một khung phân tích kết hợp giữa chủ nghĩa hiện thực cấu trúc và tiếp cận địa chính trị, qua đó không chỉ mô tả mà còn lý giải cơ chế vận hành của cạnh tranh chiến lược Nga – Mỹ trong một trường hợp cụ thể và phức tạp; xây dựng khung phân loại mức độ cạnh tranh với hệ thống chỉ báo nhận diện có khả năng áp dụng rộng hơn cho các cặp cạnh tranh cường quốc khác; và là công trình tiên hành nghiên cứu toàn diện, liên tục về cạnh tranh chiến lược Nga – Mỹ tại Trung Đông trong suốt giai đoạn 2000–2024 từ góc độ lý thuyết quan hệ quốc tế. Trên phương diện thực tiễn, luận án tập hợp và xử lý khối lượng lớn tư liệu đa dạng, bao gồm văn kiện chính sách, số liệu, chuyên khảo và bài báo khoa học quốc tế, cung cấp hệ thống tư liệu tương đối toàn diện và cập nhật về cuộc cạnh tranh đến năm 2024; đồng thời đề xuất các kịch bản dự báo và hàm ý chính sách cho Việt Nam trong bối cảnh cạnh tranh nước lớn tiếp tục là đặc trưng chi phối của quan hệ quốc tế trong những thập niên tới.

Nghiên cứu về cạnh tranh chiến lược Nga – Mỹ tại Trung Đông giai đoạn 2000–2024 là một hướng nghiên cứu không chỉ có ý nghĩa học thuật mà còn có giá trị thực tiễn thiết thực, bởi những cường quốc đang cạnh tranh tại Trung Đông hôm nay cũng chính là những cường quốc mà các quốc gia vừa và nhỏ, trong đó có Việt Nam phải điều hướng quan hệ một cách thận trọng, chủ động và có nguyên tắc trong tiến trình hội nhập quốc tế. Với những đóng góp và giới hạn của mình, luận án này là nỗ lực của nghiên cứu sinh nhằm đóng góp một cách nghiêm túc vào công trình nghiên cứu tập thể về cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn, một trong những chủ đề trung tâm của khoa học quan hệ quốc tế trong thời đại ngày nay.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. Lê Thị Ánh Tuyết (2022), “Sự điều chỉnh chính sách của Mỹ đối với Trung Đông dưới thời Tổng thống Donald Trump”, *Tạp chí Khoa học trường Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh*.
2. Nguyễn Minh Mẫn, Lê Thị Ánh Tuyết (2023), “Cạnh tranh giữa Mỹ và Trung Quốc trong khai thác năng lượng kỹ thuật cao tại Trung Đông hai thập kỷ đầu thế kỷ XXI”, *kỷ yếu Cạnh tranh Mỹ - Trung Quốc trong lĩnh vực công nghệ cao*, trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân Văn - Khoa Quan hệ quốc tế, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam - Viện nghiên cứu châu Mỹ, ngày 26 tháng 11 năm 2022, NXB Đại học Quốc gia TP.HCM, TP.HCM, tr.300 - 313.
3. Le Thi Anh Tuyet (2024), “Russian Federation Republic’s diplomatic activities toward Middle Eastern countries to overcome the crisis caused by the U.S. and Western sanctions (2014-present)”, *Second international conference on the issues of social sciences and humanities*, pp.412-423, Vietnam national University Press, Hanoi.
4. Le Thi Anh Tuyet (2025), “U.S. Policy in the Israel-Palestine conflict under president Joe Biden (2021-2024)”, *Third international conference on the issues of social sciences and humanities*, Vol.1, pp.480-492, Vietnam national University Press, Hanoi.
5. Le Thi Anh Tuyet (2025), “The impact of Russia-U.S. strategic competition on economic and political alliances in the Indo-Pacific region”, *International conference proceedings Opportunities and challenges to the stability and development of the Indo-Pacific region*, pp.84-104, The Gioi Publishers, Hanoi.